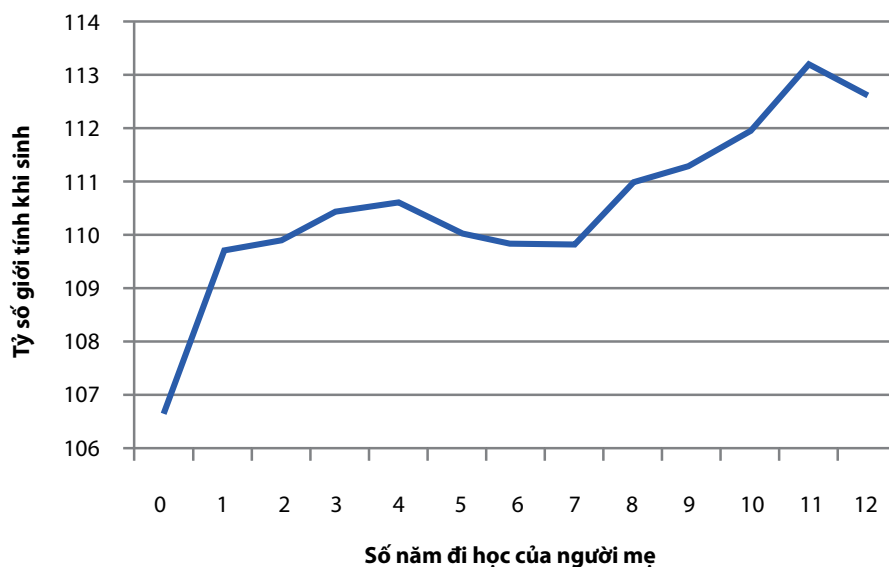


6. SỰ KHÁC BIỆT CỦA TSGTKS THEO ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ XÃ HỘI VÀ NHÂN KHẨU HỌC

TĐTDS 2009 cung cấp nhiều chỉ số kinh tế xã hội giúp xác định cụ thể hơn các nhóm dân cư có hành vi lựa chọn giới tính (Bảng 2). Các phân tích rút ra từ các cuộc TĐTDS trước đây không có nhiều thông tin về mối liên hệ giữa TSGTKS và các đặc điểm kinh tế xã hội, nhưng số liệu mẫu TĐTDS 2009 cho phép nghiên cứu chi tiết TSGTKS theo các nhóm phụ nữ khác nhau và đặc trưng của hộ gia đình. Phân tích dưới đây sẽ xem xét tác động của một số biến số chính về kinh tế xã hội và nhân khẩu học tới tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh, sau đó là phần phân tích tổng hợp. Trước tiên, mức độ mất cân bằng giới tính được phân tích theo một số đặc điểm nhân khẩu học của người mẹ. Các nhóm có TSGTKS thấp gồm nhóm phụ nữ là chủ hộ gia đình (108,8) và các phụ nữ độc thân hoặc đã ly hôn (100,0), ngay cả khi số lần sinh ít. Ngược lại, TSGTKS cao được quan sát thấy ở nhóm phụ nữ trên 30 tuổi (112,6). Tuy nhiên, lưu ý rằng tỷ lệ này có thể là do tác động của thứ tự sinh cao trong nhóm phụ nữ ở độ tuổi này hơn là tác động đơn thuần của tuổi người mẹ. Phân tích đa tuyến tính trình bày dưới đây sẽ làm rõ tác động tương ứng của các nhân tố quyết định đến TSGTKS.

Trình độ học vấn thường là một trong những nhân tố quyết định đến hành vi nhân khẩu học và mẫu TĐTDS lần này cũng khẳng định giả thuyết này. TSGTKS phân theo trình độ giáo dục của người mẹ có sự khác biệt đáng kể. Tỷ số này tăng dần từ 107,4 ở nhóm phụ nữ không biết chữ (chiếm 7% mẫu) và 107,1 ở nhóm có trình độ tiểu học trở xuống, lên đến 111,4 ở nhóm có trình độ trung học, và cuối cùng là 113,9 ở nhóm các bà mẹ có trình độ cao đẳng trở lên.

Hình 6: TSGTKS theo số năm đi học của người mẹ



Mối quan hệ thuận chiều giữa trình độ giáo dục và TSGTKS cũng được quan sát thấy theo số năm đi học¹⁰: TSGTKS cao nhất ở nhóm phụ nữ có trên 10 năm đi học (113,2), mặc dù số ca sinh trong số các phụ nữ này khá nhỏ. Hình 6 phân bố TSGTKS của lần sinh gần nhất theo số năm đi học của người mẹ¹¹ và minh họa mối quan hệ thuận chiều giữa số năm đi học và TSGTKS. Phân tích cho thấy một sự khác biệt lớn, TSGTKS ở nhóm phụ nữ chưa bao giờ đi học là 107, gần với mức sinh học bình thường. Trong số phụ nữ đã từng đi học, TSGTKS dao động quanh mức trung bình 110,6. Ngược lại, TSGTKS ở những phụ nữ có hơn 6 năm đi học tăng đột biến.

Mối quan hệ thuận chiều giữa giáo dục và lựa chọn giới tính nhìn qua có vẻ khó hiểu vì về mặt lý thuyết phụ nữ có trình độ học vấn cao thường ít chịu ảnh hưởng của các yếu tố truyền thống như tâm lý ưa thích con trai dẫn đến hành vi lựa chọn giới tính trước sinh. Tuy nhiên mối quan hệ này trên thực tế lại chịu ảnh hưởng bởi các biến số trung gian khác liên quan đến trình độ học vấn. Đó là khả năng tiếp cận với thông tin về lựa chọn giới tính, mức sống cao hơn, khả năng tiếp cận với các dịch vụ y tế hiện đại, có mức sinh thấp hơn và vì vậy nguy cơ không có con trai cao hơn.

Phân tích sâu số liệu mẫu chỉ ra rằng TSGTKS ở nhóm phụ nữ dân tộc thiểu số (không phải là người Kinh) chỉ ở mức 105,9. Phân tích hệ thống các đặc điểm cá nhân của người mẹ không phát hiện mối quan hệ nào giữa TSGTKS và một số biến số quan trọng như tình trạng việc làm, tôn giáo, và tình trạng di cư. TSGTKS cao hơn một chút ở nhóm phụ nữ làm việc trong khu vực công (112,4) hoặc nhóm phụ nữ không có việc làm trong tuần trước cuộc điều tra (111,9). Mặc dù sự khác biệt này là rất nhỏ nhưng chúng sẽ được kiểm tra trong mô hình thống kê về mất cân bằng giới tính khi sinh được giới thiệu trong phần sau.

TSGTKS cũng được phân tích theo các biến số hộ gia đình như chất lượng nhà ở và tài sản của hộ sau khi kết nối các ca sinh với các biến số đặc điểm hộ gia đình của người mẹ. Hình 7 cho thấy một số kết quả có ý nghĩa, những biến số màu xanh biểu thị mức TSGTKS thấp và màu đỏ biểu thị mức TSGTKS cao.

Một số chỉ báo khác điển hình cho các hộ gia đình nghèo như không có nhà vệ sinh, không có điện thắp sáng, nhà làm bằng vật liệu tre, gỗ, lá, đều có liên quan đến mức TSGTKS thấp. TSGTKS của nhóm dân số này thấp gần với mức sinh học bình thường. Mức TSGTKS thấp nhất liên quan đến các chỉ báo như tường nhà bằng đất vôi/rơm; nguồn nước ăn uống chính từ nước suối, khe; sử dụng máy phát điện để thắp sáng. Ngược lại, mức TSGTKS cao quan sát được ở các hộ gia đình sử dụng nước máy, sinh sống trong các khu chung cư, hoặc nhà xây bằng các vật liệu xây dựng tốt. Các chỉ báo về tài sản hộ gia đình cũng cho bức tranh tương tự: TSGTKS thấp ở các hộ gia đình không sử dụng TV, không sử dụng xe máy, trong khi mức TSGTKS cao lại quan sát thấy trong các hộ gia đình có sử dụng máy tính cá nhân và các vật dụng hiện đại khác.

¹⁰ Chỉ số này hơi khác với các biến số về giáo dục đã sử dụng trước đây như lớp học cao nhất. Chỉ số này được chuyển tương đương sang hệ giáo dục 12 năm.

¹¹ Số liệu được tính trung bình cho 3 năm liên tục nhằm khắc phục hạn chế số mẫu nhỏ.

Hình 7: TSGTKS theo đặc điểm hộ gia đình và nhà ở

